

CÔNG TY TNHH TM KHANG ĐAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM KHANG ĐAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 1301136863

3. Ngày thành lập: 30/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa Đất Số 119, Tờ Bản Đồ Số 6, Ấp 2, Xã Phú Long, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0931089757

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa -(không hoạt động tại trụ sở)	0111
2.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm -(không hoạt động tại trụ sở)	0128
3.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò -(không hoạt động tại trụ sở)	0141
4.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn -(không hoạt động tại trụ sở)	0145
5.	Chăn nuôi gia cầm -(không hoạt động tại trụ sở)	0146
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản -(không hoạt động tại trụ sở)	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả -(không hoạt động tại trụ sở)	1030
8.	Xay xát và sản xuất bột thô -(không hoạt động tại trụ sở)	1061
9.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu -(không hoạt động tại trụ sở)	1079
10.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản -(không hoạt động tại trụ sở)	1080
11.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh -(không hoạt động tại trụ sở)	2023
12.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại -(không hoạt động tại trụ sở)	2591

13.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại -(không hoạt động tại trụ sở)	2592
14.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) -(không hoạt động tại trụ sở)	2817
15.	Sản xuất máy thông dụng khác -(không hoạt động tại trụ sở)	2819
16.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp -(không hoạt động tại trụ sở)	2821
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác -(không hoạt động tại trụ sở)	2829
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - (không hoạt động tại trụ sở)	4620(Chính)
19.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì -(không hoạt động tại trụ sở)	4631
20.	Bán buôn thực phẩm -(không hoạt động tại trụ sở)	4632
21.	Bán buôn đồ uống -Chi tiết: Bán buôn đồ uống không chứa cồn và rượu, bia các loại	4633
22.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép -Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn, thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác, hàng may mặc, giày dép	4641
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình -Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm); Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Bán buôn đồ gia dụng dùng cho nhà bếp, nhà vệ sinh; Bán buôn đồ nhựa, hàng ngũ kim; Bán buôn đồ trang sức, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), đồ thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;	4649
24.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

29.	Bán buôn tổng hợp -(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4690
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp -Chi tiết: bán lẻ gạo, ngô, bột gạo, bột ngô, thịt và sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau quả và nước ép rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, sôcôla, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, trứng, gia vị.	4711
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp -Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong các siêu thị, cửa hàng tiện ích, minimart, trung tâm thương mại, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, đồ nhựa, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ dùng và chế phẩm vệ sinh, thức ăn cho động vật cảnh, vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	4719
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh -Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm, bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến, bán lẻ hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến, bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh -Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia các loại, đồ uống không chứa cồn	4723
35.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ -(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa -Chi tiết: lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5022
38.	Bốc xếp hàng hóa -Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
40.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - (trừ hoạt động đấu giá)	6820
41.	Đại lý du lịch	7911
42.	Dịch vụ đóng gói	8292

43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - (trừ dịch vụ lấy lại tài sản, trừ hoạt động đấu giá)	8299
44.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>